

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm /Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Nguyễn Thị Thắng	Tiến sĩ	0936755866	nguyenthithang@cdspacebacninh.edu.vn	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	Trường CĐSP Bắc Ninh
2	Nguyễn Thị Thiêm	Thạc sĩ	0976867170	thiemvanth@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	Trường CĐSP Bắc Ninh
3	Nguyễn Thị Nguyệt	Thạc sĩ	0964989968	nguyetvan81.cdspbn@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	Trường CĐSP Bắc Ninh
4	Vương Hồng Nhung	Thạc sĩ	0983779359	vuongnhungcdspbn@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	Trường CĐSP Bắc Ninh
5	Phùng Thị Hiền	Thạc sĩ	0902671186	phunghiencdspbn@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	Trường CĐSP Bắc Ninh
6	Ngô Thị Lanh	Thạc sĩ	0983359938	Ngolanh2210.cdspbn@gmail.com	Tổ Văn, Khoa GD Tiểu học Mầm non	Trường CĐSP Bắc Ninh
7	Trần Thúy Hằng	Thạc sĩ	0986548590	thuyhanggvcdsp@gmail.com	Phòng Đào tạo	Trường CĐSP Bắc Ninh

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON
- Mã học phần: VA.MN.CN.01
- Số tín chỉ: 02
- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (K43) Bậc đào tạo: Cao đẳng Hình thức đào tạo: Chính quy,VLVH, liên thông
- Các học phần tiên quyết: Tiếng Việt
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Tổng số giờ học phần: 100
 - + Lí thuyết: 20 tiết
 - + Thực hành: 20 tiết
 - + Sinh viên tự học: 60 tiết.
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Tổ Văn, Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về:

- Đối tượng, nhiệm vụ; nội dung nghiên cứu; mối quan hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học khác.
- Các phương pháp và các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
- Lập kế hoạch hoạt động và tổ chức hoạt động dạy trẻ phát triển ngôn ngữ ở trường mầm non.

3.2. Kỹ năng

Học phần trang bị cho người học các kỹ năng:

- Kỹ năng lập kế hoạch hoạt động theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực
- Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.
- Khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm tài liệu tự học học phần phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
- Giao tiếp hiệu quả trong hoạt động học tập, hoạt động dạy trẻ phát triển ngôn ngữ.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL1: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm; chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ bạn bè cùng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

NL2: Trách nhiệm công dân: Thực hiện đúng nội quy, quy định của trường lớp; quy định của học phần.

NL3: Trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề, rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm; hỗ trợ đồng nghiệp nhằm tạo dựng phong cách nhà giáo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

Sau khi học xong học phần:

KT1: Sinh viên hiểu về đối tượng, nhiệm vụ; nội dung nghiên cứu; mối quan hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học khác. **(KTCN1)**

KT2: Biết lựa chọn các phương pháp và các hình thức giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ; sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học; phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. **(KTCN3; KTCN4)**

KT3: Biết lập kế hoạch hoạt động và tổ chức hoạt động dạy trẻ 24-36 tháng Nhận biết tập nói; trẻ 5-6 tuổi làm quen với chữ cái mới ở trường mầm non theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. **(KTCN3; KTCN4; KTCN5)**

4.2. Về kỹ năng

Kỹ năng cứng

KNC1: Thành thạo lập kế hoạch và tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non. **(KNC1)**

KNC2: Quản lý nhóm/ lớp mầm non **(KNC3)**

KNC3: Giao tiếp, ứng xử phù hợp với trẻ **(KNC4)**

KNC4: Tiếp cận, khai thác và ứng dụng khoa học giáo dục, kỹ thuật, phương tiện, thiết bị vào quá trình giáo dục trẻ. **(KNC5)**

KNC5: Quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ, tính cách của trẻ **(KNC6)**

Kỹ năng mềm

KNM1: Phát hiện và hòa nhập trẻ khuyết tật tại nhóm/ lớp mầm non **(KNM2)**

KNM2: Tổ chức, sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học, góc hoạt động **(KNM4)**

KNM 3: Hợp tác, giao tiếp, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng **(KNM1)**

KNM4: Khai thác và sử dụng một số phần mềm công nghệ thông tin trong quá trình quản lý nhóm/ lớp và giáo dục trẻ **(KNM8)**

KNM5: Có khả năng tiếp cận và ứng dụng các phương pháp giáo dục mới, hiện đại vào thực tiễn giáo dục trẻ **(KNM10)**

KNM6: Tự học, tự nghiên cứu. **(KNM12)**

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL1: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả

thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm; Chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ bạn bè cùng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ. (NL1)

NL2: Trách nhiệm công dân: Thực hiện đúng nội quy, quy định của trường lớp; quy định của học phần. (NL2)

NL3: Trách nhiệm nghề nghiệp: Yêu trẻ, yêu nghề, tận tụy với nghề, rèn luyện đạo đức, tác phong sư phạm; Hỗ trợ đồng nghiệp nhằm tạo dựng phong cách nhà giáo. (NL3)

5. Ma trận liên kết nội dung chương/mục với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức			Kỹ năng											Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm		
					KNC					KNM								
		1	2	3	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	NL1	NL2	NL3
Chương I. Những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	I. Đối tượng nghiên cứu của phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	x					x	x	x				x		x	x	x	x
	II. Môi quan hệ của phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học khác	x						x						x	x	x	x	x
	III. Các phương pháp nghiên cứu		x					x	x	x				x	x	x	x	x
	IV. Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em	x						x	x	x				x	x	x	x	x
Chương II. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt	I. Khái quát về chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt	x						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	II. Các nhiệm vụ giáo dục chuẩn mực ngữ âm		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	III. Các nội dung, biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	IV. Các hình thức rèn luyện ngữ âm cho trẻ ở trường mầm non		x			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
	Thực hành chương 2		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chương III. Hình thành và phát triển vốn từ cho	I. Đặc điểm vốn từ của trẻ em	x					x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	II. Các nhiệm vụ hình thành vốn từ cho trẻ mầm non		x			x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	III. Các biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ		x			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x

trẻ	IV. Quy trình tổ chức hoạt động Nhận biết- Tập nói		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
	V. Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động Nhận biết - Tập nói		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x
	Thực hành chương 3		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
Chương IV. Dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt	I. Đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	II. Những đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	III. Nội dung dạy trẻ đặt câu		x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	IV. Phương pháp dạy trẻ đặt câu		x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	Thực hành chương 4		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
Chương V. Phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ	I. Khái niệm về lời nói mạch lạc	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	II. Những đặc trưng lời nói mạch lạc của trẻ mầm non	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	III. Các hình thức, phương pháp phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ		x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	Thực hành chương 5		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
Chương VI. Chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học	I. Chuẩn bị cho việc học đọc, học viết	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	II. Phương pháp cho trẻ làm quen với chữ cái-mẫu giáo lớn		x				x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	III. Quy trình tổ chức hoạt động		x	x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	IV. Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động cho trẻ làm quen với chữ cái		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	Thực hành chương 6		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
Chương VII. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói	I. Dấu hiệu nhận biết trẻ bị chậm nói	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	II. Nguyên nhân dẫn tới trẻ chậm nói		x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	III. Nguyên tắc dạy ngôn ngữ cho trẻ chậm nói		x				x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
	IV. Các phương pháp dạy ngôn ngữ cho trẻ chậm nói		x	x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x

Thực hành chương 7			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
--------------------	--	--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

6. Các yêu cầu của học phần

- *Yêu cầu đối với sinh viên:*

- + Dự lớp ít nhất 80% số giờ trên lớp
- + Làm đầy đủ các bài kiểm tra học phần theo quy định.
- + Đọc, nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.
- + Chuẩn bị các bài thảo luận, thực hành, sưu tầm các tư liệu liên quan đến bài học.

- *Yêu cầu giảng viên:*

- + Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài dạy, đề cương chi tiết học phần, phương tiện đồ dùng dạy học.
- + Đọc, nghiên cứu bài dạy, giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.
- + Dạy theo đúng tiến độ chương trình.
- + Giao đề cương chi tiết học phần cho sinh viên trước khi dạy.

7. Nội dung, phương pháp dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giờ sinh viên tự học
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận	
	Chương I. Những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non		2		4
1	I. Đối tượng nghiên cứu của phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ II. Mối quan hệ của phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học khác III. Các phương pháp nghiên cứu	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận	1		
2	IV. Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành.	1		
	TỰ HỌC				4

	<p>1. Trả lời câu hỏi và làm bài tập trong Giáo trình [1] trang 152</p> <p>2. Tìm hiểu nội dung Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</p> <p>+ Tài liệu học tập 1 trang 153-173</p> <p>+ Tài liệu tham khảo 1, trang 55-62</p> <p>+ Tài liệu tham khảo 2, trang 33-46</p>				
	Chương II. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt		2	2	6
3	<p>I. Khái quát về chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt</p> <p>II. Các nhiệm vụ giáo dục chuẩn mực ngữ âm</p>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận	1		
4	<p>III. Các nội dung, biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm</p> <p>IV. Các hình thức rèn luyện ngữ âm cho trẻ ở trường mầm non</p>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận, trò chơi học tập	1		
5-6	<p>THỰC HÀNH</p> <p>1. Điều tra khả năng phát âm của trẻ</p> <p>2. Thiết kế bài tập luyện ngữ âm cho trẻ theo các độ tuổi, theo vùng miền, địa phương.</p> <p>3. Trả lời câu hỏi và làm các bài tập từ 2 – 7 trong Giáo trình [1] trang 172-173 theo yêu cầu của GV.</p> <p>4. Thống kê những lỗi phát âm thường gặp ở trẻ và đề xuất cách sửa.</p>	Phương pháp đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận		2	
	<p>TỰ HỌC</p> <p>1. Trả lời câu hỏi và bài tập trong Giáo trình [1] trang 172-173.</p> <p>2. Tìm hiểu đặc điểm phát âm của trẻ qua từng giai đoạn: 1 năm 6 tháng đến 3 tuổi, 3-5 tuổi, 5-6 tuổi.</p> <p>3. Luyện phát âm chuẩn, đọc đúng các tác phẩm thơ, truyện, đồng dao; sửa lỗi phát âm (nếu có)</p> <p>4. Tìm hiểu một số biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm</p>				6

	cho trẻ 5. Tìm hiểu nội dung Hình thành và phát triển vốn từ + Giáo trình [1] trang 187-199 + Tài liệu tham khảo 1, trang 107-130 + Tài liệu tham khảo 2, trang 47-70				
	Chương III. Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ		4	4	12
7	I. Đặc điểm vốn từ của trẻ em II. Các nhiệm vụ hình thành vốn từ cho trẻ mầm non	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận	1		
8	III. Các biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận	1		
9	IV. Quy trình tổ chức hoạt động Nhận biết-tập nói	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan	1		
10	V. Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động Nhận biết - Tập nói	Phương pháp thuyết trình, trực quan, thực hành, thảo luận	1		
11-14	THỰC HÀNH 1. Lập kế hoạch hoạt động dạy trẻ 24- 36 tháng Nhận biết - Tập nói (đề tài, chủ đề, tự chọn) - Giáo dục an toàn giao thông cho trẻ mầm non, khai thác chủ đề: Bé với an toàn giao thông 2. Tập giảng tổ chức hoạt động Nhận biết - Tập nói. Rút kinh nghiệm - Giáo dục an toàn giao thông cho trẻ mầm non, khai thác chủ đề: Bé với an toàn giao thông 3. Trả lời câu hỏi và làm bài tập trong Giáo trình [1] trang 200 theo yêu cầu của GV.	Phương pháp trực quan, thực hành, thảo luận		4	
	TỰ HỌC 1. Trả lời câu hỏi và làm bài tập trong Tài liệu học tập 1, trang 200 2. Dự giờ thực tế, xem băng hình hoạt động Nhận biết –				12

	<p>Tập nói ở trường mầm non. Ghi chép tiến trình và các biện pháp được GV sử dụng để phát triển vốn từ cho trẻ.</p> <p>3. Tìm hiểu nội dung Dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt</p> <p>+ Giáo trình [1] trang 214-223</p> <p>+ Tài liệu tham khảo 1, trang 172-205</p> <p>+ Tài liệu tham khảo 2, trang 71-81</p>				
	Chương IV. Dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt		2	1	5
15	<p>I. Đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>II. Những đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ</p> <p>III. Nội dung dạy trẻ đặt câu</p>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	1		
16	IV. Phương pháp dạy trẻ đặt câu	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan,	1		
17	<p>THỰC HÀNH</p> <p>1. Đến nhà trẻ hoặc lớp mẫu giáo, cùng chơi, cùng sinh hoạt với trẻ và ghi chép lại các câu nói của cháu trong một ngày và hoàn cảnh câu nói đó. Phân tích đặc điểm các câu nói đó (về cấu trúc, về mục đích)</p> <p>2. Giáo viên nghiệm thu sản phẩm</p> <p>3. Trả lời câu hỏi và làm bài tập trong Giáo trình [1] trang 223 theo yêu cầu của giáo viên.</p> <p>4. Vận dụng phương pháp cô sử dụng lời nói mẫu để đặt câu mẫu cho trẻ trong một hoạt động ở trường mầm non với đề tài tự chọn.</p>	Phương pháp đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận		1	
	<p>TỰ HỌC</p> <p>1. Trả lời câu hỏi và làm bài tập trong Giáo trình [1] trang 223</p> <p>2. Trò chuyện với trẻ, ghi lại những câu nói mắc lỗi của trẻ</p>				5

	<p>và đề xuất cách sửa.</p> <p>3. Tìm hiểu nội dung Phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ</p> <p>+ Giáo trình [1] trang 214-223</p> <p>+ Tài liệu tham khảo 1, trang 172-205</p> <p>+ Tài liệu tham khảo 2, trang 71-81</p>				
	Chương V. Phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ		1	1	3
18	<p>I. Khái niệm về lời nói mạch lạc</p> <p>II. Những đặc trưng lời nói mạch lạc của trẻ mầm non</p> <p>III. Các hình thức, phương pháp phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ</p>	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	1		
19	<p>THỰC HÀNH</p> <p>1. Đến lớp mẫu giáo, dự giờ hoạt động kể chuyện cho trẻ ở trường mầm non. Ghi chép các phản ứng của trẻ và lời nói của trẻ. Phân tích các kết quả thu được.</p> <p>2. Một sinh viên hướng dẫn một nhóm trẻ tập kể chuyện, một số sinh viên khác theo dõi, ghi chép lời kể của trẻ. Phân tích các kết quả thu được.</p> <p>3. Trả lời và làm các bài tập trong Giáo trình [1] trang 236-237 theo yêu cầu của giáo viên.</p>	Phương pháp đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận		1	
	<p>TỰ HỌC</p> <p>1. Trả lời câu hỏi và làm bài tập trong Giáo trình [1], trang 236-237</p> <p>2. Tìm hiểu nội dung Chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở trường tiểu học</p> <p>+ Giáo trình [1] trang 238-266</p> <p>+ Tài liệu tham khảo 1, trang 205-244</p> <p>+ Tài liệu tham khảo 2, trang 131-150</p>				3
	Chương VI. Chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học		5	5	15

20-22	I. Chuẩn bị cho việc học đọc, học viết II. Phương pháp cho trẻ làm quen với chữ cái (mẫu giáo lớn)	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	3		
23	III. Quy trình tổ chức hoạt động	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	1		
24	IV. Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động cho trẻ làm quen với chữ cái	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	1		
25- 30	THỰC TẾ TẠI TRƯỜNG MẦM NON - Sinh viên đi thực tế tại trường mầm non trên địa bàn tỉnh - Dự giờ hoạt động hướng dẫn trẻ 24- 36 tháng Nhận biết – Tập nói. - Dự giờ hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với chữ cái - Dự giờ hoạt động dạy trẻ ôn tập chữ cái - Làm bài thu hoạch và báo cáo	Phương pháp trực quan, thảo luận		6	6
31-35	THỰC HÀNH 1. Lập kế hoạch hoạt động (sinh viên lập kế hoạch hoạt động ở nhà, giảng viên sửa một số kế hoạch làm mẫu) - Dạy trẻ làm quen với chữ cái mới (chủ đề, đề tài tự chọn) - Dạy trẻ ôn tập chữ cái 2. Tập giảng: - Sinh viên thực hành trên lớp tổ chức dạy chữ cái đã lập kế hoạch. - Các sinh viên dự thực hiện hoạt động ghi chép đầy đủ và có nhiệm vụ nhận xét hoạt động dạy. - Giáo viên tổng kết, nhận xét hoạt động dạy để sinh viên rút kinh nghiệm.	Phương pháp đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận		5	

	3. Thực giảng 1 tiết tại cơ sở mầm non Hoa Phượng hoặc tham gia thi giảng trong Hội thi Nghiệp vụ sư phạm. - Giáo viên tổ chức nhận xét hoạt động dạy để sinh viên rút kinh nghiệm.				
	TỰ HỌC 1. Tự nghiên cứu nội dung 7.1. Cho trẻ làm quen với từ và 7.2 cho trẻ làm quen với câu trong Giáo trình [1] trang 238-241. 2. Trả lời câu hỏi và làm bài tập trong Giáo trình [1] trang 258 2. Nghiên cứu các kế hoạch hoạt động trong Giáo trình [1] trang 259-266				15
36	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (tiết 36) Nội dung kiểm tra: Các kiến thức, kỹ năng đã được học trong chương trình Hình thức: Viết		1		2
	Chương VII. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói		3	1	7
37	I. Dấu hiệu nhận biết trẻ bị chậm nói II. Nguyên nhân dẫn tới trẻ chậm nói III. Nguyên tắc dạy ngôn ngữ cho trẻ chậm nói	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	1		
38-39	IV. Các phương pháp dạy ngôn ngữ cho trẻ chậm nói	Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận	2		
40	THỰC HÀNH 1. Sinh viên xem băng hình hoạt động dạy ngôn ngữ cho trẻ chậm nói. 2. Lập kế hoạch hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói (sinh viên lập kế hoạch hoạt động ở nhà, giáo viên sửa một số kế hoạch làm mẫu)	Phương pháp đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận		1	

<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch hoạt động đúng mẫu. - Trình bày kế hoạch hoạt động thể hiện rõ hoạt động của cô và trẻ. - Lập kế hoạch đúng phương pháp. <p>3. Tập giảng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành tổ chức hoạt động dạy học trên lớp. - Các sinh viên dự thực hiện hoạt động ghi chép đầy đủ và có nhiệm vụ nhận xét hoạt động dạy. - Giáo viên tổng kết, nhận xét hoạt động dạy để sinh viên rút kinh nghiệm. 				
<p>TỰ HỌC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Suu tầm một số bài tập luyện ngữ âm: mát xa cơ miệng, thổi bóng... 2. Mô tả một trường hợp trẻ khó khăn về lời nói, ngôn ngữ và giao tiếp: tên, tuổi, giới tính, những biểu hiện của trẻ. 3. Tìm hiểu đặc điểm ngữ âm, từ, câu của trẻ chậm nói và đề xuất các phương pháp hướng dẫn trẻ chậm nói. 				7
<p>Tổng hợp số giờ</p>		20	20	60

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

a. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Thị Huệ, Ngô Thị Lanh, Nguyễn Thị Thắng, Nguyễn Thị Thiêm (2016), Một số học phần đào tạo giáo viên trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, Tiếng Việt, Văn học, Phương pháp phát triển ngôn ngữ, Phương pháp làm quen với văn học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[2]. Tô Văn, khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh (2022), Đề cương bài giảng học phần Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

b. Tài liệu tham khảo

[3]. Đinh Hồng Thái (chủ biên) và Trần Thị Mai (2009), Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Giáo trình dành cho hệ Cao đẳng Sư phạm mầm non, Nhà xuất bản Giáo dục.

[4]. Đào Hoàng Mai, Trương Hồng Nga (2010), Thiết kế hoạt động có chủ đích, hoạt động góc và hoạt động ngoài trời trong trường mầm non, trẻ 24-36 tháng tuổi (theo chủ đề), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[5]. Lê Thị Huệ, Trần Thị Hương, Phạm Thị Tâm (đồng chủ biên) (2010, 2013), Thiết kế hoạt động có chủ đích, hoạt động góc và hoạt động ngoài trời trong trường mầm non, trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi (theo chủ đề), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[6]. Thanh Hương (2020), Tập đánh vần Tiếng Việt theo sơ đồ tư duy, Nhà xuất bản Hà Nội.

[7]. Đặng Thu Quỳnh, Đinh Thị Hồng (2020), Bé tập tô, Biên soạn theo chương trình Giáo dục Mầm non, bé chuẩn bị vào lớp 1, quyển 1,2, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.

[8]. Đặng Thu Quỳnh, Đinh Thị Hồng (2020), Bé tập viết, Biên soạn theo chương trình Giáo dục Mầm non, bé chuẩn bị vào lớp 1, quyển 1,2, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.

[9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Chương trình Giáo dục mầm non, Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT.

9. Phương thức kiểm tra, đánh giá điểm học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm

- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm

* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):

- **Hình thức thi: Thực hành**

- **Thời gian: 7-10 phút/thí sinh**

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;

- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Thương

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

Vương Hồng Nhung

PHỤ LỤC I.
MA TRẬN MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng
 2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)
 3. Mã ngành: 51140201
 4. Loại hình đào tạo: Chính quy
 Học phần: Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non
 Thời gian đào tạo: 3 năm
 Trường môn (Kí ghi rõ họ và tên):

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong học phần
1. Phẩm chất	1.1. Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	x
		1.1.2	x
		1.1.3	x
		1.1.4	x
	1.2. Mến trẻ	1.2.1	x
		1.2.2	x
		1.2.3	x
	1.3. Yêu nghề	1.3.1	x
		1.3.2	x
		1.3.3	x
	1.4. Trung thực	1.4.1	x

	1.5. Trách nhiệm	1.4.2	x	
		1.4.3	x	
		1.5.1	x	
		1.5.2	x	
		1.5.3	x	
	1.6. Tự học	1.5.4	x	
		1.5.5	x	
		1.6.1	x	
	2. Năng lực chung	2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	1.6.2	x
			1.6.3	x
2.1.1			x	
2.1.2			x	
2.1.3			x	
2.1.4			x	
2.1.5	x			

	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.2.1	x
		2.2.2	x
		2.2.3	x
		2.2.4	x
		2.2.5	x
		2.2.6	x
		2.2.7	x
	2.3.Năng lực lãnh đạo	2.3.1	x
		2.3.2	
		2.3.3	
	2.4.Năng lực giải quyết vấn đề	2.4.1	x
		2.4.2	x
		2.4.3	x
		2.4.4	x
		2.4.5	x
		2.4.6	x
	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	x
		2.5.2	x
		2.5.3	x
	2.6.Năng lực phản biện	2.6.1	x
		2.6.2	x
2.6.3		x	
3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	x
		3.1.2	x
		3.1.3	x
		3.1.4	x
		3.1.5	x

		3.1.6	x
		3.1.7	x
		3.1.8	x
		3.1.9	x
	3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục	3.2.1	x
		3.2.2	x
		3.2.3	x
		3.2.4	x
		3.2.5	x
		3.2.6	x
		3.2.7	x
	3.3.Năng lực định hướng	3.3.1	x
		3.3.2	x
		3.3.3	x
	3.4. Năng lực hoạt động xã hội	3.4.1	x
		3.4.2	x
		3.4.3	x
	3.5 Năng lực phát triển nghề nghiệp	3.5.1	x
		3.5.2	x
		3.5.3	x
		3.5.4	x
4 Năng lực nghề nghiệp	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1	x
		4.1.2	x
		4.1.3	x
		4.1.4	x
	4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn	4.2.1	x
		4.2.2	x

	khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.3	x
	4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quá và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	x
		4.3.2	x
		4.3.3	x
		4.3.4	x
		4.3.5	x
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1	x
		4.4.2	x
		4.4.3	x
	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1	x
		4.5.2	
		4.5.3	
	4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1	x
		4.6.2	x
		4.6.3	x

